

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG

Bản án số: 07/2018/HSST

Ngày 23 tháng 03 năm 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thọ.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở TAND huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2018/HSST ngày 27/02/2018 đối với bị cáo:

Vi Văn P; sinh năm: 1985; Tại: Lạng Sơn; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 4/12; Dân tộc: Nùng; Con ông Vi Văn S (sinh năm: 1968) và con bà Nông Thị D (sinh năm: 1966); Bị cáo có vợ tên là Phùng Thị D, sinh năm 1987 và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 09/11/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, về tội “Hủy hoại rừng” (Bản án hình sự sơ thẩm số: 129/2007/HSST), đã chấp hành xong toàn bộ bản án và được xóa án tích theo quy định; Bị cáo bị bắt, tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Tuy Đức từ ngày 01/10/2017, đến ngày 04/10/2017 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện tạm giam – Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị X và ông Hoàng Ngọc T – Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Nông – Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Điều V; Sinh năm: 1996; Địa chỉ: Bon Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa.

- Những người làm chứng:

1. Anh Hoàng Văn C; Sinh năm: 1971; Địa chỉ: Bon Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Bùi Văn L; Sinh năm: 1968; Địa chỉ: Bon Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vi Văn P và Trần Văn T cùng trú ở xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, đều là những đối tượng nghiện ma túy, thường đến địa bàn xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông mua ma túy để sử dụng.

Vào khoảng 08 giờ ngày 30/9/2017, T và P đi bộ từ nhà đến khu vực xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông mua ma túy. Do không có tiền nên T và P bàn bạc với nhau trộm cắp tài sản bán để có tiền mua ma túy. Khi đi ngang qua vườn điều của gia đình anh Điều T tại Bon Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông thì P phát hiện thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen bạc, biển số 47P4 – 0130 của anh Điều V (sinh năm 1996, trú tại Bon Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông) đang dựng dưới gốc cây điều. P quan sát xung quanh biết không có người trông coi nên nói với T vào lấy trộm chiếc xe, còn P đứng bên ngoài canh giới. Nghe vậy, T đi đến dắt chiếc xe mô tô ra khỏi vườn điều rồi điều khiển xe chạy đến Bản Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông tìm người tiêu thụ, P đi bộ phía sau. Khi đến Bản Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông thì T đưa xe đến nhà anh Hoàng Văn C (Sinh năm 1972 trú tại Bon Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông) để bán. Lúc này trong nhà anh C có anh Bùi Văn L (Sinh năm 1985, trú tại Bon Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông), do nghi ngờ đây là chiếc xe mô tô do T trộm cắp nên các anh C và L giữ chiếc xe lại rồi báo với Công an xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông, lợi dụng mọi người không để ý, T bỏ trốn ra khỏi nhà anh C. Đến ngày 01/10/2017 Công an xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông đã mời P đến làm việc và P đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình cùng với T trộm cắp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47P4 – 0130, Công an xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông đã chuyển hồ sơ vụ việc cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông thụ lý điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 36 ngày 02/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, tỉnh Đắk Nông kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius biển số 47P4 – 0130 có giá trị 5.500.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông đã thu giữ và giao trả lại 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đen bạc, số khung: C6308Y171857, số máy: 5C63171857, biển số 47P4 – 0130; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 000147 cấp ngày 05/12/2008 mang tên H'Duyên H cho anh Điều V là người quản lý hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Điều V đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì về phần bồi thường thiệt hại nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Tại cáo trạng số: 05/Ctr – VKS ngày 15/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo Vi Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 – Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Vi Văn P thừa nhận thực hiện những hành vi như nội dung cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người bị hại, nên vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 30/9/2017, tại Bon Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông bị cáo P cùng với đối tượng Trần Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đen bạc, biển số 47P4 – 0130 của anh Điều V. Giá trị tài sản bị cáo P cùng với đối tượng Trần Văn T trộm cắp có giá trị là 5.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 – Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Xử phạt bị cáo Vi Văn P từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

Biện pháp tư pháp:

- Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức trả lại 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đen bạc, biển số 47P4 – 0130; 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên H’Duyên H cho anh Điều V là người quản lý hợp pháp.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Điều V không có yêu cầu gì về phần bồi thường thiệt hại nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Trợ giúp viên pháp lý tham gia bào chữa cho bị cáo Vi Văn P, bà Nguyễn Thị X và ông Hoàng Ngọc T đồng ý với bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về các tình tiết giảm nhẹ, tuy nhiên Trợ giúp viên pháp lý đề nghị HĐXX cho bị cáo Vi Văn P được hưởng thêm một số tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 – BLHS năm 1999 bởi lẽ: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật có phần hạn chế; Gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, các con bị cáo đang còn nhỏ, vợ bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Mặt khác, gia đình bị cáo ở địa phương luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Từ những tình tiết nêu trên Trợ giúp viên pháp lý bà Nguyễn Thị X và ông Hoàng Ngọc T bào chữa cho bị cáo Vi Văn P, đề nghị HĐXX xem xét áp dụng thêm Điều 47 - BLHS năm 1999 và tuyên mức án nhẹ nhất cho bị cáo.

Phần tranh luận bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đồng ý với lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, có thái độ ăn năn hối cải và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, Người bào chữa cho bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng, quá trình điều tra, truy tố và xét xử không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng vì vậy các hành vi, quyết định tố tụng đều hợp pháp. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Như vậy, do ý thức coi thường pháp luật muốn có tiền tiêu xài cá nhân không bằng sức lao động của mình nên vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 30/9/2017, tại Bon Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh Điều V, bị cáo P cùng với đối tượng Trần Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp một chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đen bạc, biển số 47P4 – 0130 có giá trị là 5.500.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Vi Văn P đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 30/6/2016 về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự năm 2015, hành vi phạm tội nêu trên của Vi Văn P đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

“Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự quy định:

1 – Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, tài sản đã thu hồi trả cho chủ sở hữu hợp pháp; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội “Hủy hoại rừng” (Bản án hình sự sơ thẩm số: 129/2007/HSST ngày 09/11/2007), đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích, khi ra ngoài xã hội bị cáo lại phạm tội thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật, không tiếp thu được sự răn đe giáo dục của pháp luật, vì vậy cần phải có một hình phạt nghiêm khắc vừa răn đe giáo dục bị cáo, vừa để phòng ngừa những người khác có ý định phạm tội. Từ những phân tích nói trên, HĐXX xét thấy cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội sau này.

Đối với đề nghị của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo, đề nghị HĐXX áp dụng thêm một số tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 – BLHS vì: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật có phần hạn chế; Gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, các con bị cáo đang còn nhỏ, vợ bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo là lao động chính trong gia đình; gia đình bị cáo ở địa phương luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Tuy nhiên HĐXX xét thấy bản thân bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, mục đích của việc trộm cắp xe máy là để bán lấy tiền sử dụng ma túy, mặt khác bị cáo là người có nhân thân xấu, vì vậy không có cơ sở để cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 – BLHS như đề nghị của trợ giúp viên pháp lý.

Về vật chứng của vụ án: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức trả lại 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đen bạc, biển số 47P4 – 0130; 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên H’Duyên H cho anh Điều V là người quản lý hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Điều V đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì về phần bồi thường thiệt hại nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Đối với đối tượng Trần Văn T sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn khỏi đại phương, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức đã ra quyết định khởi tố bị can số 23 và ra lệnh bắt bị can để tạm giam số 10 cùng ngày 19/12/2017. Sau khi thực

hiện hành vi phạm tội, bị can Trần Văn T đã bỏ trốn khỏi địa phương không xác định được ở đâu. Ngày 26/12/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức đã ra quyết định truy nã số 20. Hiện chưa bắt được bị can T, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định tách vụ án hình sự số 01 ngày 27/12/2017 để tiếp tục điều tra xử lý sau đối với bị can Trần Văn T theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc bị cáo Vi Văn P phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Vi Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Xử phạt bị cáo Vi Văn P 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam 01/10/2017.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99 – BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14. Buộc bị cáo Vi Văn P phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo Vi Văn P được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại chính quyền địa phương và nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện. Tuy Đức;
- CA huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Nguyễn Tiến Thọ